

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025.

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Phương, ông Nguyễn Lam Điền.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đỗ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn 04, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Nguyên V, sinh năm 1975

Trú tại: Thôn 04, xã E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2025, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:**

Tôi và ông Trần Nguyên V tự nguyện về chung sống với nhau năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống không mang lại hạnh phúc cho nhau.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa tôi và ông Trần Nguyên V là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và ông V có 02 con chung là cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001.

Hiện nay cháu V và cháu D đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Bị đơn ông Trần Nguyên V trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Thu Tr tự nguyện về chung sống với nhau năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Hai vợ chồng hiện chung sống cùng một nhà tại thôn 04, xã E, tỉnh Đắk Lắk, trong thời gian chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông V thừa nhận hay uống rượu, đôi khi quá chén không kiểm soát hành vi, lời nói.

Nay nhận thấy tình cảm vẫn còn, tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải để hai vợ chồng về sống cùng với nhau.

Về con chung: Tôi và bà Tr có 02 con chung là cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001.

Hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk đã Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật, nhưng bà Tr vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Trần Nguyên V. Về con chung, hiện nay cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001 đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Trần Nguyên V.

Về con chung: Hiện nay cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Nguyên V thì đây là “Tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Trần Nguyên V vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Trần Nguyên V chung sống với nhau như vợ chồng năm 1998 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng gặp rất nhiều áp lực. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Tr, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Trần Nguyên V là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Trần Nguyên V có 02 con chung là cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001 hiện đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh bình thường nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thu Tr và ông Trần Nguyên V.

- *Về con chung*: Hiện nay cháu Trần Nguyên V, sinh ngày 13/10/1999 và cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 17/6/2001 đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Thu Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003982 ngày 28/7/2025.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2- Đắk Lắk;
- THADS khu vực 2- Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Vinh Tuấn**

